PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TRUNG HỌC 1

**TRƯỜNG TRUNG HỌC 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục |  |
| Danh mục các chữ viết tắt |  |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá |  |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU |  |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ |  |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ |  |
| I. Tự đánh giá Mức 1, Mức 2, Mức 3 |  |
| Tiêu chuẩn 1. Tổ chức và quản lý nhà trường |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 1.1 |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |
| Tiêu chí 1.4 |  |
| Tiêu chí 1.5 |  |
| Tiêu chí 1.6 |  |
| Tiêu chí 1.7 |  |
| Tiêu chí 1.8 |  |
| Tiêu chí 1.9 |  |
| Tiêu chí 1.10 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 1 |  |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |
| Tiêu chí 2.2 |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |
| Tiêu chí 2.4 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 2 |  |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |
| Tiêu chí 3.2 |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |
| Tiêu chí 3.4 |  |
| Tiêu chí 3.5 |  |
| Tiêu chí 3.6 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 3 |  |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |
| Tiêu chí 4.2 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 4 |  |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục |  |
| Mở đầu |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |
| Tiêu chí 5.2 |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |
| Tiêu chí 5.6 |  |
| Kết luận về Tiêu chuẩn 5 |  |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG |  |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Nội dung viết tắt** |
| ATGT | An toàn giao thông |
| BĐD CMHS | Ban đại diện Cha mẹ học sinh |
| CB,CC,VC,NLĐ | Cán bộ, công chức, viên chức, NLĐ |
| CBQL | Cán bộ quản lí |
| CLGD | Chất lượng giáo dục |
| GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| GDTC | Giáo dục thể chất |
| GDTH | Giáo dục tiểu học |
| GV | Giáo viên |
| HS | Học sinh |
| HTCTTH | Hoàn thành chương trình tiểu học |
| HĐNGLL | Hoạt động ngoài giờ lên lớp |
| HĐGD | Hoạt động giáo dục |
| NV | Nhân viên |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| PCGDTH | Phổ cập giáo dục tiểu học |
| QĐND | Quân đội Nhân dân |
| SNĐ | Sao nhi đồng |
| TTLĐXS | Tập thể lao động xuất sắc |
| TNTPHCM | Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh |
| TĐG | Tự đánh giá |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1,2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, Tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| **Tiêu chuẩn 1** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 1.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.2 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.6 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 1.7 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.8 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.9 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 1.10 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| **Tiêu chuẩn 2** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 2.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 2.4 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 3** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 3.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.3 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.4 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 3.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 3.6 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 4** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 4.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 4.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| **Tiêu chuẩn 5** | x | -------- | -------- | -------- |
| Tiêu chí 5.1 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.2 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.3 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 5.4 | x | Không đạt | Không đạt | -------- |
| Tiêu chí 5.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |
| Tiêu chí 5.5 | x | Không đạt | Không đạt | Không đạt |

**Kết quả: Không Đạt**

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

**2. Kết luận**

**Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường:

Tên trước đây:

Sở (Phòng) Giáo dục và Đào tạo:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương |  | | Huyện/Quận/Thị xã |  | | Xã/Phường/Thị trấn |  | | Đạt chuẩn quốc gia |  | | Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) |  | | Công lập |  | | Tư thục |  | | Trường chuyên biệt |  | | Trường liên kết với nước ngoài |  | | |  |  | | --- | --- | | Họ và tên hiệu trưởng |  | | Điện thoại |  | | Fax |  | | Website |  | | Số điểm trường |  | | Loại hình khác |  | | Thuộc vùng khó khăn |  | | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  | |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Khối lớp 6 | 0 | 10 | 0 | 0 | 0 |
| Khối lớp 7 | 0 | 50 | 0 | 0 | 0 |
| Khối lớp 8 | 0 | 0 | 20 | 0 | 0 |
| Khối lớp 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cộng | 0 | 60 | 20 | 0 | 0 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 45 | 0 | 0 | 0 | 30 |  |
| 1 | Phòng học | 25 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 15 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phòng phục vụ học tập | 20 | 0 | 0 | 0 | 30 |  |
| a | Phòng kiên cố | 20 | 0 | 0 | 0 | 30 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 52 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Cộng | 102 | 0 | 0 | 0 | 30 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**a) Số liệu tại thời điểm TĐG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt chuẩn** | **Trên chuẩn** | **Ghi chú** |
| Hiệu trưởng | 3 | 0 | 0 | 0 | 10 | 0 |  |
| Phó Hiệu trưởng | 0 | 0 | 20 | 0 | 0 | 0 |  |
| Giáo viên | 0 | 0 | 5 | 0 | 0 | 0 |  |
| Nhân viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Cộng | 3 | 0 | 25 | 0 | 10 | 0 |  |

**b) Số liệu của 5 năm gần đây**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

**a) Số liệu chung**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tổng số học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 6 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 8 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Khối lớp 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số tuyển mới | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Học 2 buổi/ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Bình quân số học sinh/lớp học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Nữ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**b) Kết quả giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (THPT) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

**PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung nhà trường**

**2. Mục đích TĐG**

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bặt trong hoạt động TĐG**

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

*a) Có đủ các lớp của cấp học;*

*b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*

*c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.*

Mức 3:

*Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về tiêu chuẩn 1**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/10 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 10

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

*a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

*a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*

*b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*

*c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | c | Không đạt | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/5 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 5

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 2

Kết luận: Không đạt

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu**

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

*a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

*b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

*c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;*

*c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.*

Mức 2:

*Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.*

Mức 3:

*Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

*a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*

*b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*

*c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

*Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | \* | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | - | - | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;*

*b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;*

*c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;*

*b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | - | - |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

*a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;*

*b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;*

*c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.*

Mức 2:

*a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;*

*b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.*

Mức 3:

*Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | \* | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | - | - |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

*c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

*b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

*a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên; - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên; - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên; - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên; - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém; - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém; - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.*

*b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học; Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

**Mức 2:**

**Mức 3:**

**2. Điểm mạnh:**

**3. Điểm yếu:**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

**5. Tự đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức 1 | | Mức 2 | | Mức 3 | |
| Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt | Chỉ báo | Đạt/Không đạt |
| a | Không đạt | a | Không đạt | a | Không đạt |
| b | Không đạt | b | Không đạt | b | Không đạt |
| c | Không đạt | - | - | - | - |

**Kết quả: Không đạt**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

**1. Những điểm mạnh nổi bật**

**2. Những điểm yếu cơ bản**

**3. Kết quả**

Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/6 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 6

Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 0/4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt: 4

Kết luận: Không đạt

**III. KẾT LUẬN CHUNG**